

# NGÔN NGỮ MANG CHỨC NĂNG PHÁN XÉT, ĐÁNH GIÁ TRONG VĂN BẢN BÌNH LUẬN VỀ XÃ HỘI TRÊN BÁO CHÍ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

Võ Nguyễn Thùy Trang\*

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng

Nhận đăng: 29/09/2017; Hoàn thành phản biện: 31/10/2017; Duyệt đăng: 27/12/2017

**Tóm tắt:** Bài viết khảo sát và phân tích ngôn ngữ với chức năng đánh giá, phán xét trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Anh và tiếng Việt. Theo hướng tiếp cận mới, dựa trên Lý thuyết đánh giá ngôn ngữ (Appraisal Theory) của Martin & White (2005), kết hợp cùng phương pháp mô tả các thông tin định tính và định lượng, ngôn ngữ mang giá trị đánh giá và phán xét được phân loại theo các phạm trù ngữ nghĩa tích cực và tiêu cực; thể hiện dưới hình thức hiển ngôn và hàm ngôn. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần cung cấp cho người dạy và học ngoại ngữ những kiến thức cơ bản để hiểu và sử dụng chính xác ngôn ngữ đánh giá trong đọc hiểu, viết và dịch thuật văn bản bình luận trên báo chí.

**Từ khóa:** bình luận về xã hội, giá trị đánh giá, giá trị phán xét, hàm ngôn, hiển ngôn

## 1. Mở đầu

Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, báo chí có vai trò hết sức to lớn trong đời sống xã hội. Các thể loại báo chí, đặc biệt là bình luận báo chí thể hiện thái độ rõ ràng trong nội dung thông tin, bày tỏ chính kiến, quan điểm tư tưởng của người viết đối với những vấn đề thời sự thiết yếu; góp phần giải thích, phân tích, tổng hợp để đem đến cho người đọc, người nghe một nhận thức đúng đắn về vấn đề họ đang quan tâm.

Từ góc nhìn của ngôn ngữ học thì bình luận là thể loại diễn ngôn có những đặc thù riêng, cần được nghiên cứu một cách thấu đáo. Trong quá trình đọc hiểu văn bản và dịch thuật văn bản (tiếng Việt và tiếng Anh), nếu độc giả cũng như dịch giả biết về ngôn ngữ đánh giá, chúng ta có thể lĩnh hội nội dung dễ dàng hơn, và dịch giả sẽ biết cách để không chỉ giữ được nội dung cốt lõi của bản nguyên tác mà còn phải truyền tải được những tư tưởng quan điểm của tác giả khi dịch sang ngôn ngữ đích. Từ đó cho thấy, việc tiến hành khảo sát, phân tích ngôn ngữ mang chức năng phán xét, đánh giá trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh là điều rất cần thiết.

Chức năng phán xét, đánh giá là một phạm trù con của phạm trù Thái độ (Attitude) - một trong ba yếu tố của bộ khung thẩm định, đánh giá trong ngôn ngữ được đề cập bởi Martin và các đồng sự của ông trong cuốn sách *The Language of Evaluation: Appraisal in English* (2005). Khi điểm lại các nghiên cứu về lĩnh vực có liên quan đến phân tích đánh giá nói chung, phân tích ngôn ngữ mang chức năng phán xét, đánh giá nói riêng, chúng ta không thể không nhắc đến các tác giả có uy tín như Rothery & Stenglin (2000) với công trình nghiên cứu về vai trò của phân tích thẩm định, ngôn ngữ phán xét trong văn học. Bên cạnh đó, Neviarouskaya, Predinger & Ishizuka (2010) cũng khảo sát về cách nhận biết các chức năng biểu cảm, phán xét. Ở Việt Nam, những tác giả như Nguyễn Văn Khôi (2006), Trần Thị Ly (2015) đã có những bài nghiên cứu về đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ bày tỏ thái độ. Bên cạnh đó, trong luận án tiến sĩ So

\* Email: trangvo2807@gmail.com

*sánh ngôn ngữ báo chí tiếng Việt và tiếng Anh qua một số thể loại*, tác giả Nguyễn Hồng Sao (2010) đã dành một phần so sánh ngôn ngữ đánh giá ở thể loại Tin và Phóng sự, nhưng lại chưa đề cập đến thể loại Bình luận. Gần đây, tác giả Huỳnh Thị Chuyên (2014) cũng đã tiến hành phân tích ngôn ngữ bình luận trong các diễn ngôn bình luận báo chí nhưng ở dưới góc độ về quan niệm ngữ pháp chức năng của Halliday, bao quát cả ba siêu chức năng ngôn ngữ văn bản.

Chúng ta có thể thấy rằng khi điếm qua tất cả các công trình nghiên cứu ở trên, vấn đề phân tích ngôn ngữ đánh giá trong văn bản bình luận xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh vẫn chưa được triển khai một cách thấu đáo về vấn đề tổ chức phân bố các đơn vị ngôn ngữ với chức năng thẩm định đánh giá. Vì vậy, bài nghiên cứu hi vọng bổ sung một số phát hiện về đặc điểm ngôn ngữ và chức năng của ngôn ngữ trong mảng nghiên cứu này.

Với mục đích khảo sát, phân tích đặc điểm ngôn ngữ mang chức năng phán xét, đánh giá trong văn bản bình luận báo chí tiếng Anh và tiếng Việt, chúng tôi tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

1. Đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ mang chức năng phán xét, đánh giá trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Anh và tiếng Việt thể hiện như thế nào qua các phạm trù của bộ khung đánh giá?
2. Đặc điểm từ vựng của ngôn ngữ mang chức năng phán xét, đánh giá trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Anh và tiếng Việt thể hiện như thế nào?
3. Đây là những điểm tương đồng và dị biệt về ngôn ngữ và hình thức thể hiện trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Anh và tiếng Việt?

## **2. Cơ sở lý luận**

Lý thuyết về ngôn ngữ đánh giá và bộ khung đánh giá ngôn ngữ trong “The Language of Evaluation: Appraisal in English” của Martin & White (2005) là cơ sở lý luận cơ bản nhất được vận dụng vào phân tích văn bản trong bài nghiên cứu này. Theo các học giả này, Bộ khung đánh giá bao gồm ba phạm trù chính là Thái độ (Attitude), Thỏa hiệp (Engagement), và Thang độ (Graduation). Cụ thể hơn, phạm trù ngữ nghĩa Thái độ được phân tách thành các trường nghĩa chi tiết là Tác động (Affect), Đánh giá (Appreciation) và Phán xét (Judgment). Ở bài nghiên cứu này, ngôn ngữ mang chức năng phán xét, đánh giá được lựa chọn để phân tích.

### **2.1. Đánh giá (Appreciation)**

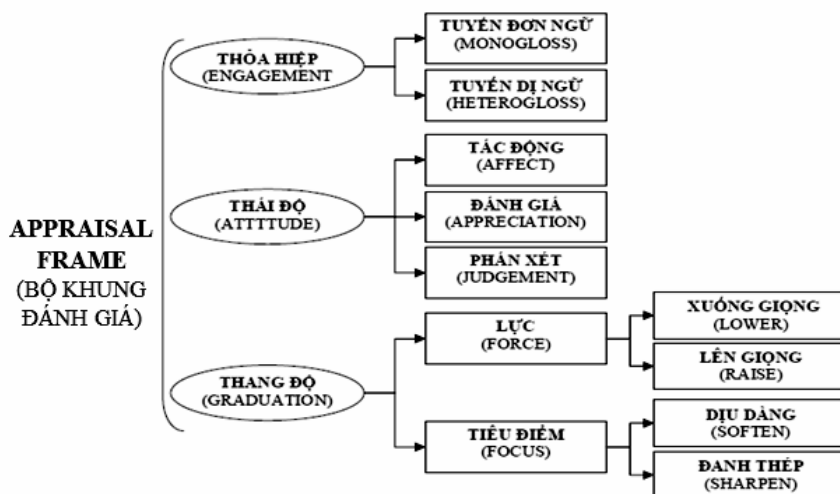
Đánh giá gán một giá trị xã hội cho một tình thế cụ thể. Đánh giá bao gồm những việc đánh giá các hiện tượng, kí hiệu và tự nhiên theo những cách thức trong đó chúng được hoặc không được lượng giá cao trong một lĩnh vực nhất định. Trong phạm trù ý nghĩa về đánh giá, giá trị này cũng được phân nhỏ thành ba trường nghĩa phản ứng (reaction), kết cấu (composition) và thẩm định giá trị (valuation).

### **2.2. Phán xét (Judgment)**

Khác với phạm trù đánh giá (Appreciation) thể hiện thái độ trước các sự kiện, sự việc và đặc điểm ngoại hình của con người, ngôn ngữ Phán xét (Judgment) lại thể hiện thái độ đánh giá về các hành vi và cá tính của con người bằng cách quy chiếu vào một hệ thống chuẩn mực xã

hội được quy ước hóa hoặc thiết chế hóa. Nó liên quan đến các thái độ nhận xét về một hành vi ứng xử: ái mộ hoặc chỉ trích, ca ngợi hoặc lên án một cá nhân nào đó và hành vi của họ.

Các giá trị này được thể hiện cụ thể ở bảng hệ thống dưới đây:



**Biểu đồ 1.** Bộ khung đánh giá ngôn ngữ

(Dẫn lại theo nội dung của Martin và White 2005, tr.38)

Các loại phán xét này mang ý nghĩa hoặc tích cực hoặc tiêu cực và được thể hiện trong văn bản dưới hai hình thức hiển ngôn và hàm ngôn.

Giá trị phán xét, đánh giá có thể được mã hóa trong một bộ khung bằng cách xem tác thể của cảm xúc (emoter) như một tác thể thẩm định (appraiser) và bị thể thẩm định (appraised) là người hoặc vật bị / được đánh giá / phán xét.

### 3. Phương pháp nghiên cứu và ngữ liệu nghiên cứu

#### 3.1. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp mô tả, phân tích định tính với vai trò chủ đạo, bên cạnh đó, dữ liệu định lượng được dùng như các thành tố bổ sung cho việc diễn giải về tần suất sử dụng các ngôn ngữ phán xét, đánh giá dưới hình thức hiển ngôn và hàm ngôn.

#### 3.2. Ngữ liệu nghiên cứu

Bình luận là thể loại có phạm vi các vấn đề được đề cập rất rộng ở tất cả mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội, đó là các sự kiện điển hình có tính cấp thiết, là sự kiện nóng được công chúng đặc biệt quan tâm. Ở đây, chúng tôi tập trung khảo sát các văn bản bình luận thuộc sự kiện - thời sự trong xã hội. Nguồn tư liệu gồm 70 bài bình luận tiếng Việt (độ dài 600 - 700 từ) và 70 bài bình luận tiếng Anh (độ dài 700 - 800 từ) có chứa các mẫu ngôn ngữ đánh giá lần lượt được lựa chọn từ các báo có uy tín như: chuyên mục “Sự kiện và Bình luận” của báo Lao Động; “Cùng suy ngẫm”, “Bình luận” của báo Nhân dân; “Thời sự và suy nghĩ” của báo Tuổi trẻ; chuyên mục “Op-Ed” contributors (bình luận của cộng tác viên) của Washington Post và The New York Times. Chúng tôi khảo sát các bài bình luận trên báo trong khoảng thời gian từ tháng

01/2015 đến tháng 09/2017.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả cho thấy ngôn ngữ phán xét, đánh giá có thể biểu hiện dưới hai hình thức là văn bản biểu thái và dấu hiệu biểu thái, ở các phạm trù ngữ nghĩa chuyên biệt với cả hai mặt ý nghĩa tích cực (+) và tiêu cực (-). Các nội dung này sẽ được trình bày cụ thể trong các phần dưới đây.

##### 4.1. Đánh giá, phán xét hiển ngôn

Trong trường hợp này, giá trị đánh giá, phán xét được nhận diện thông qua các hiển ngôn, thể hiện rõ ràng thái độ của tác thể thẩm định (người đánh giá). Việc sử dụng các hành động tạo ngôn gắn liền với một giá trị biểu thị thái độ (sự phán xét tích cực hoặc tiêu cực) thể hiện trong văn bản. Kết quả phân tích và khảo sát cho thấy gần hai phần ba các mẫu văn bản bình luận về xã hội trong báo chí tiếng Việt và tiếng Anh chứa các giá trị đánh giá, phán xét biểu thái và hiển ngôn. Ví dụ như:

- (1) “...Hiện nay không ít nhà giáo **đang đơn độc, bươn chải** trên bục giảng - thực trạng này thì giáo dục **khó mà đổi mới thành công**.” (Tuổi trẻ, 7/2017)
- (2) “...Những quyết định **cứng nhắc, vội vàng** về bồi dưỡng; những yêu cầu về chứng chỉ này, bằng cấp kia cần thay đổi”. (Tuổi trẻ, 7/2017)

Trong hai ví dụ trên, người đọc có thể dễ dàng nhận ra thái độ đánh giá, phán xét cảm thông và phê phán của tác thể thẩm định thông qua việc sử dụng các văn bản biểu thái mang tính hiển ngôn. Cụ thể hơn, qua tính từ “*đơn độc*”, động từ “*bươn chải*” ở ví dụ (1), người viết thể hiện niềm cảm thông các nhà giáo trước áp lực với cuộc sống thực tại và những chính sách quy định không hợp lý của Bộ Giáo dục. Tiếp tục ở ví dụ (2), tính từ “*cứng nhắc, vội vàng*” một lần nữa thể hiện đánh giá tiêu cực về những quyết sách của chính quyền.

Tương tự, ở các văn bản bình luận xã hội trong bài báo tiếng Anh, các hiển ngôn mang chức năng đánh giá, phán xét cũng được người viết báo sử dụng để thể hiện lập trường, quan điểm của mình trước các vấn đề xã hội. Xét các ví dụ:

- (3) The pedestrian strand fronting New York’s Metropolitan Museum of Art was once a motley of fountains, old trees, vendors of artsy ephemera and street performers. In recent years it has become a **tidier, drier** place, with rows of **oversize** awnings and **undersize** trees - called, after its patron. (TNYT, 9/2017)
- (4) For members of the middle class, on the other hand, kids are **an expense**. (TNYT, 9/2017)

Ở ví dụ (3), người viết thể hiện công khai sự đánh giá tích cực về những chuyển biến theo chiều hướng tốt đẹp của bị thể thẩm định *New York’s Metropolitan Museum of Art* bằng cách sử dụng các tính từ ở thang độ (graduation) so sánh hơn “*tidier, drier*” và “*oversize, undersize*”. Ngược lại, về mặt ngữ nghĩa, qua danh từ định danh “*expense*” ở ví dụ (4), người đọc nhận ra sự phán xét tiêu cực khi bị thể thẩm định *kids* bị cho là những đối tượng gây ra sự tiêu tốn khi phải đầu tư cho chúng dưới quan điểm của những gia đình có mức thu nhập trung bình.

Tóm tắt chi tiết các thành phần trong bộ khung đánh giá thể hiện ở Bảng 1 dưới đây:

**Bảng 1.** Đánh giá, phán xét hiển ngôn trong văn bản bình luận về xã hội trong báo tiếng Việt và tiếng Anh

| VD  | Chi tiết thẩm định      | Tác thể thẩm định           | Bị thể thẩm định                      | Ý nghĩa |
|-----|-------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|---------|
| (1) | đơn độc, buồn chái      | Người viết                  | Nhà giáo                              | (+)     |
| (2) | cứng nhắc, vội vàng     | Người viết                  | Quyết định về bồi dưỡng               | (-)     |
| (3) | tidier, drier, oversize | Writer                      | New York's Metropolitan Museum of Art | (+)     |
| (4) | an expense              | Members of the middle class | kids                                  | (-)     |

#### 4.2. Đánh giá, phán xét hàm ngôn

Sau quy trình phân tích và thống kê dữ liệu, kết quả cho thấy một phần các văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Anh và tiếng Việt mang chức năng đánh giá, phán xét không được thể hiện một cách hiển ngôn mà được hiểu thông qua các dấu hiệu hàm ngôn. Để kết luận nó là lời phán xét tích cực hay tiêu cực, người đọc thường phải dựa vào ngữ cảnh của diễn ngôn và suy diễn ra ý nghĩa mà nó hàm ý. Xem xét các ví dụ về thái độ được phân tích:

(5) Vì thế, tình thần “tự nguyện” không chỉ còn là chuyện phụ thuộc vào hoàn cảnh của mỗi phụ huynh nữa mà đã trở thành sự “**tự nguyện**” **bắt buộc**. (TT, 9/2017)

(6) Lòng tự trọng và e ngại thụ hưởng của công đó **có dễ tìm thấy** trong những viên chức đang ngồi trên những chiếc ô tô cao cấp không? (LĐ, 2/2016)

Cả hai ví dụ trên đều chỉ ra thái độ đánh giá, phán xét tiêu cực nhưng được thể hiện bằng các dấu hiệu biểu thái, với ngôn ngữ nói tránh châm biếm sâu sắc các hiện tượng tiêu cực trong xã hội và sự suy đồi về nhân cách của con người. Cụ thể là, ở ví dụ (5), từ ý nghĩa cụm diễn đạt “*sự tự nguyện bắt buộc*”, độc giả có thể hiểu được sự kiện phụ huynh bị ép buộc phải nộp các khoản thu không hợp lý và điều này là không thể chấp nhận được. Tương tự ở ví dụ (6), bị thể thẩm định là “*những viên chức*” bị chỉ trích, phê phán khi đánh mất lòng tự trọng và chỉ biết thụ hưởng, nhưng tác giả lại sử dụng cách nói ngược theo kiểu những tính tốt có dễ tìm thấy trong họ.

Đặt trong ngữ cảnh so sánh, các bài bình luận về xã hội trong báo chí tiếng Anh cũng sử dụng các phương tiện hàm ngôn như vậy. Xét các ví dụ sau:

(7)... But many others, including progressives and feminists who are no fans of the Trump administration, **tentatively clapped their hands**. (TNYT, 8/2017)

(8) While it does help us communicate and stay in touch, it also does much more: **Facebook has become the go-to site for anyone hoping to reach a big audience** - whether to sell shoes or to sell politics, and it's become profitable by doing so. (TNYT, 9/2017)

Từ ví dụ (7), đặt câu văn này trong ngữ cảnh của văn bản, ta thấy rằng dự luật California's Sexual Assault Law chính là bị thể thẩm định, và thông qua việc sử dụng cụm diễn đạt “*tentatively clapped their hands*”, tác giả hàm ý ủng hộ, tán thưởng những thay đổi trong dự luật này. Sang ví dụ (8), từ câu văn với các cụm diễn đạt “*become the go-to site, hoping to reach a big audience*” đã thể hiện thái độ tán thưởng, lạc quan về sự phát triển vượt bậc và tầm ảnh hưởng của mạng xã hội Facebook - một công cụ được sử dụng rộng rãi trong xã hội, một

nội dung xuất hiện rất nhiều trong các văn bản báo chí.

Trong tổng số 140 bài bình luận tiếng Việt và tiếng Anh, kết quả phân tích cho thấy có 820 trường hợp chứa ngôn ngữ mang giá trị đánh giá, phán xét. Gần hai phần ba số lượng các giá trị phán xét này được thể hiện ở hình thức hiển ngôn. Điều đó cho thấy tác giả có khuynh hướng thể hiện công khai các quan điểm thái độ của mình trước những hành vi, thái độ ứng xử của các đối tượng trong xã hội, giúp người đọc hiểu và lĩnh hội văn bản một cách dễ dàng hơn.

**Bảng 2.** Tần suất sử dụng các hiển ngôn và hàm ngôn mang giá trị đánh giá phán xét

| Ngôn ngữ đánh giá, phán xét | Hiển ngôn | Tỉ lệ | Hàm ngôn | Tỉ lệ | Tổng |
|-----------------------------|-----------|-------|----------|-------|------|
| Tiếng Anh                   | 295       | 68,6% | 135      | 31,4% | 430  |
| Tiếng Việt                  | 269       | 68,9% | 121      | 31,1% | 390  |

#### 4.3. Đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ phán xét

Như đã đề cập ở phần cơ sở lý thuyết nêu trên, phán xét liên quan đến các thái độ xét về một hành vi ứng xử. Kết quả khảo sát, phân tích cho thấy phạm trù phán xét trong các văn bản bình luận về xã hội trên báo tiếng Việt và tiếng Anh bao gồm các phạm trù con xét về khả năng, kiên trì dựa trên các chuẩn mực về nhận thức và năng lực của con người, cùng với nhóm phán xét tính Chân thật và Khuôn phép dựa trên các chuẩn mực đạo đức được xã hội quy ước. Xét các ví dụ sau:

(9) Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Đông khẳng định trạm thu phí BOT Cai Lậy đặt đúng vị trí là **xem thường dư luận, không quan tâm đến ý kiến của người dân**. (TT, 8/2017)

(10) Thế mới biết người Việt chúng ta thật **chịu chơi**. Một vị tổng giám đốc có thể cá cược bóng đá lên tới 1,8 triệu USD. Số tiền này theo cách làm của nhiều địa phương hiện nay thì có thể xây dựng được gần 1.000 ngôi nhà tình nghĩa. (TT, 1/2016)

Khi đánh giá hành vi con người theo một số chuẩn tắc, qua việc sử dụng động từ “xem thường dư luận, không quan tâm” và tính từ “chịu chơi”, người viết thể hiện thái độ chỉ trích đối với các bị thể thẩm định ở các phạm trù giá trị khả năng (capacity) và khuôn phép (propriety).

Tương tự, ngôn ngữ phán xét được sử dụng khá thuần thục trong các văn bản bình luận xã hội ở báo tiếng Anh. Xét ví dụ:

(11) On a Twitter post, Mayor Lyda Krewson labeled protesters alleged to have committed property damage downtown as “criminals.” Her and Mr. O’Toole’s willingness to speak out so emphatically against people who break windows, but not against police officers who **kill citizens**, is enraging for those of us in the black community and for our allies. (TNYT, 9/2017)

(12) At a news conference, Lawrence O’Toole, the acting police commissioner for the city of St. Louis, proclaimed that “**police owned tonight**.” This is the kind of “leadership” that forces people of color and poor people into survival mode in this region. (TNYT, 9/2017)

Ở hai ví dụ trên, giá trị phán xét “khả năng” và “khuôn phép đạo đức” tiếp tục được đề cập. Qua động từ chỉ hành động “*kill citizens* và *owned tonight*” người đọc có thể hiểu được sự lạm dụng về quyền lực của giới chức cảnh sát, nhận diện sự phê phán của người viết về thái độ hống hách, chuyên quyền, đi trái lại với các khuôn phép đạo đức nghề nghiệp mà xã hội đã thiết chế hóa.

Tóm tắt chi tiết phần ví dụ ngôn ngữ phân xét thể hiện ở Bảng 3 dưới đây:

**Bảng 3.** Ngôn ngữ mang chức năng phân xét trong văn bản bình luận về xã hội ở báo chí tiếng Việt và tiếng Anh

| VD   | Chi tiết thẩm định                                      | Tác thể thẩm định | Bị thể thẩm định                  | Ý nghĩa |
|------|---------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------|---------|
| (9)  | xem thường dư luận, không quan tâm đến ý kiến người dân | Người viết        | Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Đông       | (-)     |
| (10) | Chịu chơi                                               | Người viết        | Người Việt - một vị tổng giám đốc | (-)     |
| (11) | kill citizens                                           | Writer            | police officers                   | (-)     |
| (12) | owned tonight                                           | Writer            | police                            | (-)     |

#### 4.4. Đặc điểm ngữ nghĩa của ngôn ngữ đánh giá

Xét về ngôn ngữ mang giá trị đánh giá các sự kiện trong xã hội, kết quả khảo sát, phân tích cho thấy phạm trù đánh giá trong các văn bản bình luận về xã hội trên báo tiếng Việt và tiếng Anh thể hiện các trường nghĩa phản ứng (reaction), kết cấu (composition) và thẩm định giá trị (valuation). Xét các ví dụ:

(13) Mỗi tỉnh thành chỉ có một công ty xổ số kiến thiết, nhưng đó thật sự là **“mỏ vàng”**. (LĐ, 5/2017)

(14) Không thể phủ nhận, xổ số là ngành kinh doanh **siêu lợi nhuận, là nguồn thu quan trọng** trong điều kiện ngân sách eo hẹp. (LĐ, 5/2017)

Cả hai ví dụ trên đều chỉ ra thái độ đánh giá tích cực đối với một sự kiện xã hội là hoạt động của ngành xổ số kiến thiết nhưng được thể hiện bằng ngôn ngữ ở hai phạm trù con trong nhóm nghĩa này. Cụ thể là, danh từ **“mỏ vàng”** thể hiện sự đánh giá đề cao về giá trị (valuation) của bị thể thẩm định. Trong khi đó ở ví dụ (14), tính từ kèm theo thang độ **“siêu lợi nhuận”** thể hiện ý nghĩa kết cấu, vị trí của bị thể thẩm định cũng như tác động (đóng góp) của nó cho ngân sách quốc gia.

Trong văn bản bình luận xã hội ở báo tiếng Anh, ngôn ngữ mang giá trị đánh giá cũng được xem xét trên ba bình diện ngữ nghĩa thuộc phạm trù này. Xét các ví dụ sau:

(15) At the same time, users can share “promoted posts” - targeted messages that advertisers pay Facebook to place in their feeds - merging pay-for-play content with the natural flow of information among friends and family. It’s **a powerful combination**. (TNYT, 9/2017)

(16) The ministry was supposed to encourage people to have fewer babies, and it went about that in **a rather coy fashion**. (TNYT, 7/2017)

Ở ví dụ (15), tính từ **“powerful”** mang giá trị kết cấu cân bằng (composition) của bị thể thẩm định, thể hiện thái độ đánh giá tích cực, tán dương sự kết hợp hoàn hảo của các chức năng trong Facebook. Sang ví dụ (16), cụm danh ngữ **“a rather coy fashion”** lại thể hiện đánh giá tiêu cực về một hiện tượng xã hội, thể hiện sự bi quan về viễn cảnh của một chính sách được nhà nước ban hành.

Phân tích các thành phần ngôn ngữ đánh giá được thể hiện ở Bảng 4 dưới đây:

**Bảng 4.** Ngôn ngữ mang chức năng đánh giá trong văn bản bình luận về xã hội ở báo chí tiếng Việt và tiếng Anh

| VD   | Chi tiết thẩm định         | Tác thể thẩm định | Bị thể thẩm định                        | Ý nghĩa |
|------|----------------------------|-------------------|-----------------------------------------|---------|
| (13) | Mô vàng                    | Người viết        | Ngành XSKT                              | (+)     |
| (14) | Siêu lợi nhuận, quan trọng | Người viết        | Ngành XSKT                              | (+)     |
| (15) | a powerful combination     | Writer            | Process of using Facebook               | (+)     |
| (16) | a rather coy fashion       | Writer            | encouraging people to have fewer babies | (-)     |

#### 4.5. Đặc điểm từ vựng của lời văn bình luận diễn đạt giá trị phán xét và đánh giá

Về đặc điểm từ vựng, các giá trị phán xét và đánh giá được nhận diện thông qua các ngữ danh từ, ngữ tính từ, và động từ. Xin hãy xem các ví dụ minh chứng trong Bảng 5 dưới đây:

**Bảng 5.** Tần suất các loại từ / ngữ mang giá trị phán xét, đánh giá

| Từ vựng     | Ví dụ tiếng Anh – tiếng Việt                              | Số lượng (Anh - Việt) |
|-------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------|
| Ngữ danh từ | a greater extent, utter shock, a dare, a dirty word....   | 117                   |
|             | nội dung thiết thực, so sánh khắp khiêng, kẻ bạo loạn.... | 105                   |
| Ngữ tính từ | successful, silly, unusual, unclear, simple, helpful...   | 249                   |
|             | tham nhũng, ích kỉ, bất thường, cân bằng, ngu ngốc..      | 235                   |
| Động từ     | cheat, deceive, determine, ....                           | 103                   |
|             | Chiếm đoạt, gian lận, thâm tóm, coi thường....            | 98                    |

#### 4.6. Các điểm tương đồng và dị biệt trong ngôn ngữ bình luận ở báo chí tiếng Việt và tiếng Anh

##### Tương đồng

- Ngôn ngữ bình luận mang chức năng đánh giá, phán xét được sử dụng một cách nhuần nhuyễn trong cả các văn bản tiếng Việt và tiếng Anh.

- Những ý kiến, nhận định chủ quan của tác giả khi phân tích, nghị luận, miêu tả... được diễn tả qua lối hành văn theo kiểu độc thoại nội tâm ở cả hai ngôn ngữ Việt và Anh. Vì thế, chúng ta có thể nhận thấy rằng hầu hết tác thể thẩm định được xác định là “Người viết”.

- Ở cả hai ngôn ngữ Anh và Việt, các giá trị phán xét và đánh giá được nhận diện thông qua các ngữ danh từ, ngữ tính từ, và động từ.

- Nội dung trong các bài bình luận về xã hội trong tiếng Việt và tiếng Anh đều có kết hợp hai yếu tố: thông tin về sự kiện khách quan và quan điểm chủ kiến của tác giả.

- Ngôn ngữ đánh giá và phán xét sử dụng trong các bài bình luận đều có tác dụng, chức năng như một vũ khí sắc bén để làm tăng tính hấp dẫn của thể loại này.

### **Dị biệt**

Ngôn ngữ bình luận tiếng Anh phong phú hơn, đa dạng hơn. Cụ thể là như đã đề cập trong mục 4.5, khi so sánh về tần suất từ loại được sử dụng thể hiện chức năng phán xét, đánh giá, số lượng từ vựng tiếng Anh cao hơn, đặc biệt là tính từ tiếng Anh được sử dụng nhiều hơn. Thêm vào đó, tuy cùng một thể loại bình luận, nhưng mẫu văn bản tiếng Việt ngắn hơn so với mẫu văn bản bình luận tiếng Anh (đã đề cập ở mục 3.2, lần lượt văn bản tiếng Việt là 600 - 700 từ, tiếng Anh là 700 - 800 từ) nên văn bản bình luận tiếng Anh có tính miêu tả nhiều hơn, thể hiện tính biểu thái, thái độ tác giả rõ nét, trong khi văn bản bình luận tiếng Việt có tính tóm lược nhiều hơn.

### **5. Kết luận**

Nhìn chung, các giá trị phán xét, đánh giá trong văn bản bình luận xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh như vừa được phân tích ở trên đã phản ánh phần nào cách sử dụng ngôn ngữ rất sắc sảo của người viết báo khi muốn truyền tải thái độ, tư tưởng của mình cũng như truyền tải lại quan điểm của cộng đồng. Từ những kết quả nghiên cứu, chúng tôi đưa ra các kết luận: đầu tiên, các văn bản biểu thái mang giá trị phán xét và đánh giá được sử dụng phần lớn trong bài bình luận trên cả báo chí tiếng Việt và tiếng Anh; về mặt ngữ nghĩa, giá trị phán xét có các giá trị cụ thể hơn theo các trường nghĩa lần lượt là khả năng, kiên trì, chân thật, và khuôn phép trong khi nhóm giá trị đánh giá lại tập trung phần lớn vào phản ứng, kết cấu và giá trị; về đặc điểm từ vựng nhận diện, phần lớn các ngữ tính từ mang giá trị đánh giá, phán xét, theo sau đó là các ngữ danh từ và động từ. Trên phương diện tương đồng và dị biệt của hai ngôn ngữ Việt và Anh, chúng tôi nhận thấy mặc dù cả hai ngôn ngữ đều biểu thị hiện ngôn và hàm ngôn tất cả các giá trị đánh giá và phán xét, nhưng các văn bản bình luận tiếng Anh chứa đựng ngôn ngữ miêu tả chi tiết hơn nên phản ánh sự đánh giá rõ ràng hơn.

Vì một số hạn chế về thời gian và năng lực nên kết quả báo cáo không thể tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi mong rằng bài nghiên cứu đóng góp phần nào giúp người học và người dạy có thể nắm vững và phân biệt cách sử dụng ngôn ngữ phán xét, đánh giá; sử dụng chúng một cách hữu ích vào quá trình dạy và học ngôn ngữ. Đặc biệt, nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng trong đề tài có mã số B2017-ĐN05-11, tôi chân thành cảm ơn các cộng sự và Quỹ phát triển KH&CN đã tạo điều kiện trong quá trình nghiên cứu.

### **Tài liệu tham khảo**

- Cao Xuân Hạo (2004). *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng* (tái bản lần 1). Quảng Nam: Nhà xuất bản Giáo Dục.
- Halliday, M.A.K. (2004). *An introduction to functional grammar* (3<sup>rd</sup> edition.). London: Hodder Arnold.
- Huỳnh Thị Chuyên (2014). *Ngôn ngữ bình luận trong báo in tiếng Việt hiện nay*. Luận án Tiến sĩ chưa xuất bản. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- Martin, J.R. & White, P.R.R. (2005). *The language of evaluation: Appraisal in English*. London: Palgrave.

Neviarouskaya, E., Predinger, H. & Ishizuka, M. (2010). Recognition of affect, judgment and appreciation in text. *Proceedings of the 23<sup>rd</sup> international conference on computational linguistics* (pp. 806-814). COLIG.

Nguyễn Hồng Sao (2010). *So sánh ngôn ngữ báo chí tiếng Việt và tiếng Anh qua một số thể loại*. Luận án Tiến sĩ chưa xuất bản. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Văn Khôi (2006). *A study of proclaim markers in English and Vietnamese*. Luận văn thạc sĩ chưa xuất bản. Đại học Đà Nẵng.

Rothery, J. & Stenglin, M. (2000). Interpreting literature: The role of appraisal. In L. Unsworth (Ed.), *Researching language in schools and functional linguistic perspectives* (pp. 222-244). London: Cassell.

Trần Thị Ly (2015). *An investigation into the category attitude in English and Vietnamese articles warning against childhood epidemics from the perspective of appraisal theory*. Luận văn Thạc sĩ chưa xuất bản. Đại học Đà Nẵng.

## LINGUISTIC EXPRESSION OF JUDGMENT AND APPRECIATION IN ENGLISH AND VIETNAMESE NEWSPAPER ARTICLES OF SOCIAL ISSUES

**Abstract:** The purpose of this paper is to analyze the use of language expressing Judgment and Appreciation in English and Vietnamese newspaper articles of social issues. In the light of Appraisal Theory (Martin & White, 2005), the study reveals that Judgment and Appreciation expressions are realized in two and three sub-types respectively; all these expressions can be explicit or implicit with different word classes and scale. The study makes use of both qualitative and quantitative information employing descriptive method. On the basis of the findings, the article puts forward several implications and suggestions on reading comprehension, writing, translating the language of Judgment, Appreciation as well as learning and teaching English through language of Judgment and Appreciation in particular and Appraisal language in general.

**Keywords:** appreciation, explicit, implicit, judgment, social newspaper article